TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** TỈNH ĐĂKLĂK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 27/8/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR – TỈNH ĐĂKLĂK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Tha Mlô
2. Bà Bùi Thị Hà

Thư ký phiên tòa: ông Vũ Đức Đuống - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đăklăk.

Đại diện VKSND huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đăk lăk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 38/2019/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1979. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T: 1974. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vương Thị L (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

- Người phiên dịch, hỗ trợ cho anh Nguyễn Văn T: Bà Vương Hải Y - Là giáo viên trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Địa chỉ: 82 Nguyễn Chí T - TP Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C năm 1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với cha mẹ chồng được 06 tháng thì cha mẹ chồng xây dựng nhà cấp 4 ở kế bên để ở riêng. Sống chung được thời gian ngắn khoảng 4 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

xuất phát từ kinh tế, anh T là người nắm giữ tiền bạc trong gia đình. Anh T kiểm soát chi ly từng khoản nhỏ trong chi tiêu. Từ khi kết hôn đến nay, anh T chưa bao giờ cho chị được thoải mái trong cuộc sống vợ chồng. Anh T có hành vi xúc phạm chị và gia đình bên ngoại. Vì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài mà không khắc phục được nên chị quyết định ra ở riêng ngày 06 tháng 01 năm 2018, đến ngày 13/7/2018 thì anh T có hành vi dùng dao đuổi chém chị ra khỏi nhà nên chị phải chuyển ra ngoài đi thuê nhà trọ. Việc anh T hành hung, đuổi đánh chị có sự chứng kiến của bà L.

Việc anh T trình bày, mâu thuẫn vợ chồng do anh T đi chơi với bạn bè học cấp 2, chụp hình và đăng lên facebook nên chị ghen, chị khẳng định có việc anh T đi chơi có chụp hình đăng lên facebook nhưng đó không phải là nguyên nhân gây mâu thuẫn vợ chồng. Chị có đi chơi khu du lịch Đại N, có chụp hình một mình và đăng lên facebook anh T nghĩ thế nào thì chị không biết. Nay mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, khắc phục được, vợ chồng đã sống riêng gần 02 năm, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, phân chia tài sản chung.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bình N, sinh năm 1999, hiện đang học tại Đà Nẵng; Nguyễn Ánh Bình A, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2006, hiện đang học lớp 7 chuẩn bị lên lớp 8. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Ánh Bình A cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh T có những tài sản chung sau:

Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.160m^2; trên đất có 02 nhà xây cấp 4, 01 nhà kho và các cây trồng tiêu, sầu riêng, bơ, đinh lăng và 01 căn nhà cấp 4 của bà L, ông M xây dựng năm 1998 kế bên 02 căn nhà của vợ chồng chị để ở riêng. Năm 2011 ông M chết, năm 2017 bà L đã bán cho vợ chồng chị căn nhà trên với giá 30.000.000đ. Hiện nay giấy tờ mua bán viết tay do anh T nắm giữ.

Sau khi được cha mẹ chồng cho bằng miệng, năm 2006 vợ chồng chị đã tu sửa lại căn nhà cha mẹ chồng xây dựng năm 1995 và xây dựng thêm diện tích mới chung vách với căn nhà của cha mẹ đã cho.

Thửa đất số 248, tờ bản đồ số 40, diện tích 4.580m^2 và toàn bộ tài sản trên đất là cây cà phê trồng năm 1995, từ năm 1998 đến nay do vợ chồng chị canh tác chăm sóc cây cà phê, không trồng thêm cây gì.

Các thửa đất trên có nguồn gốc là của bà L, ông M là cha mẹ đẻ của anh T nhưng sau khi anh T cưới chị, các anh chị em trong nhà đều có gia đình đã ở riêng, vợ chồng chị được ông bà cho bằng miệng.

Năm 2001 nhà nước thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tập trung cho các hộ trong thôn, xã. Anh T đi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, năm

2002 được cấp giấy CNQSDĐ đến nay. Bà L đã giữ các giấy CNQSDĐ này của vợ chồng chị khoảng hơn hai năm nay.

Trước đây chị yêu cầu được chia tài sản theo quy định của pháp luật, chị được hưởng ½ giá trị tài sản bằng hiện vật đối với thửa đất số 47, còn với thửa đất số 248, thì nhận bằng tiền. Các tài sản còn lại khác là vật dụng gia đình, xe máy của vợ chồng chị không yêu cầu giải quyết nhưng nay chiều theo nguyện vọng của cháu N, tạo điều kiện cho anh T thuận lợi trong việc nuôi con ăn học, chị yêu cầu được chia 1/3 toàn bộ giá trị tài sản chung của vợ chồng trong đó nhận bằng hiện vật đối với thửa Thửa đất số 47 và bằng tiền với thửa đất số 248.

*** Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:**

Anh đồng ý với ý kiến của chị S về việc kết hôn và con chung, còn về mâu thuẫn vợ chồng và tài sản chung của vợ chồng thì anh có ý kiến như sau:

Anh không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con chung trưởng thành, gia đình hạnh phúc. Anh không quản lý kinh tế của vợ chồng, mỗi lần chi tiêu anh đều giao tiền cho chị S. Tiền là để chung ở tủ, khi cần sử dụng thì vợ chồng lấy chi tiêu. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì trước đây anh đồng ý chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu A sau ly hôn nhưng nay tại phiên tòa anh không đồng ý. Anh có nguyện vọng được nuôi cháu A.

Đối với 02 thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ Nguyễn Văn T có nguồn gốc là của cha mẹ anh. Sau khi anh kết hôn với chị S thì được cha mẹ cho anh bằng miệng. Khi anh đi làm thủ tục để cấp sổ đỏ thì cha, mẹ không biết. Sổ đỏ hiện do mẹ anh giữ. Khi vợ chồng tháo dỡ nhà gỗ của cha mẹ để sữa chữa, xây dựng thêm nhà để ở và phá cà phê để trồng tiêu thì cha, mẹ, các anh chị em không ai có ý kiến gì.

Nay chị S yêu cầu chia 1/3 tài sản bằng hiện vật và giá trị bằng tiền thì anh không đồng ý vì đất là của anh. Nếu chị S chung sống với anh thì tất cả tài sản trên là của chung vợ chồng, trường hợp chị S yêu cầu ly hôn thì các tài sản trên là của riêng anh.

*** Trong quá trình tố tụng bà Vương Thị L trình bày:**

Bà là vợ của ông M, mẹ của anh T. Bà công nhận bà và ông M có ở chung với vợ chồng anh T được khoảng 06 tháng kể từ khi anh T cưới chị S. Sau đó vì không hợp nên bà và ông M đã xây nhà kế bên ra ở riêng. Năm 2011 chồng bà chết, năm 2018 bà có bán cho vợ chồng chị S căn nhà mà vợ chồng bà xây để ở riêng với giá 30.000.000 đồng. Mục đích bán là để cho con trai anh T là cháu Nguyễn Bình N lấy tiền ăn học, khi mua bán có viết giấy tay, nhưng hiện nay bà không giữ. Lý do bà bán nhà vì vợ chồng chị S không cho tiền để cháu N đi học. Bà chuyển ra coi nhà cho anh V là con trai bà cho đến nay để anh V đi trồng cao su ở tỉnh Gia Lai. Nguồn gốc 02 thửa đất chị S yêu cầu chia là của vợ chồng bà được Nông trường cao su Phú X cấp nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T hiện bà đang giữ từ năm 2017 đến nay, không có cầm cố thế chấp cho ai. Nay chị S yêu cầu ly hôn với anh T thì bà có ý kiến sau:

Bà mong muốn anh T, chị S đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành. Chị S yêu cầu chia 02 lô đất và tài sản trên đất thì bà không đồng ý vì đất là của vợ chồng bà, trước đây bà có đơn yêu cầu độc lập gởi Tòa án nhưng sau khi đến làm việc Tòa án yêu cầu bà sửa đổi bổ sung đơn nên bà không kiện gì nữa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đăk Lăk phát biểu:

Về Tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung nguyên đơn khởi kiện là " Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk;

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung khi giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; căn cứ Điều khoản chuyển tiếp được quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn T đều thống nhất ý kiến là anh, chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk nên quan hệ hôn nhân giữa chị S với anh T là hợp pháp, phù hợp với các quy định tại Điều 9, Điều 11 luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài mà không khắc phục được. Từ đầu năm 2018 đến nay vợ chồng

đã sống ly thân. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị S vẫn cương quyết ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại. Căn cứ Điều 89 luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu ly hôn của chị S là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

Về con chung: Anh T, chị S có 02 con chung là Nguyễn Bình N, sinh năm 1999 hiện đang học Cao Đẳng FPT tại Đà Nẵng còn gần 02 năm nữa mới ra trường và Nguyễn Ánh Bình A, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2006 đang học lớp 8 hiện đang trực tiếp ở với chị S. Xét nguyện vọng của chị S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh sau khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng để nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các quy định tại Điều 92, Điều 94 luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung:

Về đất: Xét ý kiến của bà L, anh T về các thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.160m^2; Thửa đất số 248, tờ bản đồ số 40, diện tích 4.580m^2 cùng các tài sản trên đất tại xã E, huyện C không phải là tài sản chung của vợ chồng anh T là không phù hợp với quy định của pháp luật bởi lẽ: Đất được các bên thừa nhận có nguồn gốc là của vợ chồng ông M, bà L. Nhưng từ năm 1998 sau khi chị S kết hôn với anh T thì do vợ chồng anh T, tu sửa, xây dựng thêm nhà cửa để sinh sống và trực tiếp quản lý, canh tác bằng việc trực tiếp chăm sóc cây cà phê, phá bỏ cà phê già cỗi trồng lại cây hồ tiêu và các loại cây ăn trái khác cho đến nay. Năm 2001 anh T đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) theo diện tập trung. Năm 2002 đất đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Văn T nhưng vợ chồng ông M và các anh chị em khác của anh T không có ai tranh chấp. Từ năm 2016 đến nay bà L giữ GCNQSDĐ này nhưng không có ý kiến gì, nay chị S yêu cầu ly hôn anh T thì bà có ý kiến là đất của vợ chồng bà là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với tài sản trên đất là 03 nhà xây cấp 4, (02 căn liền kề chung vách, 01 căn xây độc lập kế bên 02 căn liền kề), 01 nhà kho và các loại cây trồng khác gồm: cà phê, tiêu, sầu riêng và một số cây ăn trái khác như nội dung biên bản thẩm định và định giá là của anh T chị S vì 01 căn nhà xây cấp 4 là do ông M, bà L xây để ở riêng. Bà L thừa nhận năm 2017, bà đã bán cho vợ chồng anh T để lấy tiền cho cháu N ăn học.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 27 luật hôn nhân và gia đình, HĐXX xét thấy đã có đủ căn cứ để xác định các thửa đất nêu trên và các tài sản khác gắn liền trên các thửa đất là tài sản chung của vợ chồng chị S và anh T.

Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản ngày 15/5/2019 thể hiện giá trị các tài sản như sau:

-Thửa đất số 47:

Đất thổ cư: 400m^2 có giá 400m^2 x 250.000đ/m^2 = 100.000.000 đồng; đất nông nghiệp 1.760m^2 có giá 1.760m^2 x 30.000 đồng/m^2 = 52.800.000 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

Nhà ở cấp 4 gồm 03 căn trong đó 02 căn liền kề, 01 căn tách biệt độc lập cụ thể như sau:

Căn số 1 xây dựng năm 1995, tu sửa năm 2006 kích thước 6m x 7.25 m diện tích 43,5 m^2; trị giá 32.451.000đ; căn số 2 xây dựng năm 2006 liền kề và chung vách với căn số 1, kích thước 5m x 12 m diện tích 60 m^2, trị giá 44.760.000đ; căn số 3 xây dựng năm 1998, kích thước 4,05m x 10.25 m diện tích 41,5 m^2 có giá: 35. 000.000đ; tổng giá trị nhà 112.211.000 đồng.

01 nhà kho: diện tích 2 4,5 m^2, trị giá 8.036.000 đồng; 01 sân xi măng xây dựng năm 2006, kích thước 5m,5 x 18m, diện tích 99m2, trị giá 5.960.000 đồng; 01 mái che kích thước14, 6m x 2m, diện tich 29, 2 m2, trị giá 4.562.000 đồng; Tường rào ba0 quanh thửa đất móng xây gạch, có tô trát, tường xây cao 40cm, trụ bê tông, trị giá 21.000.000 đồng; 01 giếng nước: rộng 1m, sâu 23m, thành xây xi-măng, có nắp đây trị giá 11.000.000 đồng.

Trụ tiêu: 273 trụ trồng năm 2016, trong đó loại A 73 cây, loại B 200 cây , tất cả trụ tiêu bằng gỗ cao 3m, trị giá 107.726.000 đồng.

Sầu riêng: 26 cây trong đó 03 cây trồng năm 2011, 21 cây trồng năm 2017, 02 cây trồng năm 2018 trị giá 15.614.000 đồng.

Bơ: 27 cây trong đó 16 cây trồng năm 2916 loại A, 11 cây trồng năm 2915 loại B, trị giá 15.998.000 đồng.

Đinh lăng: 56 gốc, không xác định được cụ thể thời gian trồng (khoảng 3 năm), trị giá 5.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thửa 47 theo giá nhà nước quy định: **463.771.000** đồng.

2. Thửa đất số 248:

1. Về đất: 4.580m^2 đất nông nghiệp, có 410 cây cà phê loại B trồng năm 1995;

có giá: 30.000 đồng/m^2 x 4.580m^2 = 137.400.000 đồng.

2. Tài sản trên đất:

Cà phê: 104.837.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thửa 248 theo giá nhà nước quy định: **242.237.000** đồng.

Giá tài sản xác định theo giá thị trường tại thời điểm định giá:

- Đối với thửa 47:

Người dân mua bán với nhau tại thời điểm định giá ở khu vực lân cận là 20.000.000 đồng/m ngang mặt tiền bao gồm cả giá trị tài sản trên đất.

20.000.000 đồng/m x 49m = 980.000.000 đồng.

- Đối với thửa 248: Giá trị chuyển nhượng 01ha đất nông nghiệp (cà phê) tại khu vực lân cận thửa đất định giá thuộc thôn A, xã E, huyện C có giá: 500.000.000 đồng/ha (tức 50.000 đồng/m^2).

50.000 đồng/m^2 x 4.580m^2 = 229.000.000 đồng.

Xét yêu cầu được chia tài sản chung là 1/3 giá trị tài sản bằng hiện vật và bằng tiền của chị S là phù hợp bởi lẽ:

Về nguyên tắc vợ chồng đều có quyền ngang nhau về tài sản chung, khi phân chia thì mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản chung. Nhưng xét các tài sản chung này có nguồn gốc là được cha mẹ anh T cho. Hiện tại sức khỏe anh T bị giảm sút mạnh, các con chung của chị S, amh T không có đóng góp gì trong việc vợ chồng anh T duy trì và tạo lập thêm tài sản. Hàng tháng anh T phải lo cho cháu N là con trai chung của vợ chồng đang học Cao Đẳng số tiền để ăn học. Chị S có yêu cầu được hưởng 1/3 giá trị tài sản chung. Căn cứ Điều 95 luật hôn nhân và gia đình, anh T được hưởng 2/3 giá trị tài sản, chị S được hưởng 1/3 là phù hợp. Cần giao cho chị S 1/3 diện tích thửa đất số 47 tờ bản đồ số 41, diện tích 720m^2, trong đó 133,3m^2 đất ở; 585.7 m^2 đất trồng cây lâu năm cùng toàn bộ tài sản trên đất trị giá 326.000.000đ cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đất anh T dài 43.2m

Phía Tây giáp thửa đất 46 dài 43,2m

Phía Nam giáp đường thôn dài 16,3m

Phía Bắc giáp đường thôn dài 18,6m

Giao cho anh T 2/3 diện tích thửa đất số 47 tờ bản đồ số 41, diện tích 1400m^2,trong đó 266,7m^2 đất ở; 1.133.3 m^2 đất trồng cây lâu năm cùng toàn bộ tài sản trên đất trị giá 654.000.000đ cụ thể như sau:

Phía Đông giáp thửa đất 48 dài 39m

Phía Tây giáp đất chị S dài 43,3m

Phía Nam giáp đường đi dài 32.7m

Phía Bắc giáp đường đi dài 37.3m

Anh T được sử dụng thửa đất số 248, tờ bản đồ số 40, diện tích 4.580m^2 và các tài sản khác gắn liền trên thửa đất này nhưng phải trả cho chị S 1/3 giá trị tài sản của thửa đất này là 76.333.000đ;

Tổng giá trị tài sản chị S được hưởng là 402.333.000đ (đã làm tròn số) ; Tổng giá trị tài sản anh T được hưởng là 806.666.000đ (đã làm tròn số);

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147, Điều 156, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 27, Điều 85, Điều 89, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ánh Bình A, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2006 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3].Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị S được quyền sử dụng 1/3 diện tich thửa đất số 47 tờ bản đồ số 41, diện tích 720m^2,trong đó 133,3m^2 đất ở; 585.7 m^2 đất cà phê và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4 và các tài sản khác với tổng giá trị là 326.000.000đ cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đất anh T dài 43.2m

Phía Tây giáp thửa đất 46 dài 43,2m

Phía Nam giáp đường thôn dài 16,3m

Phía Bắc giáp đường thôn dài 18,6m

Anh Nguyễn Văn T đươc quyền sử dụng 2/3 diện tich thửa đất số 47 tờ bản đồ số 41, diện tích 1400m^2,trong đó 266,7m^2 đất ở; 1.133.3 m^2 đất cà phê cùng sở hửu toàn bộ tài sản trên đất là 02 căn nhà xây cấp 4 liền kề chung vách và các tài sản gắn liền trên đất khác có tổng giá trị là 654.000.000đ cụ thể như sau:

Phía Đông giáp thửa đất 48 dài 39m

Phía Tây giáp đất chị S dài 43,3m

Phía Nam giáp đường đi dài 32.7m

Phía Bắc giáp đường đi dài 37.3m

Anh T được sử dụng thửa đất số 248, tờ bản đồ số 40, diện tích 4.580m^2 và các tài sản khác gắn liền trên đất. Anh T phải trả cho chị S số tiền 76.333.000đ là 1/3 giá trị của thửa đất;

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự để tính lãi trong quá trình thi hành án.

Tổng giá trị tài sản chị S được hưởng là 402.333.000đ (đã làm tròn số) ; Tổng giá trị tài sản anh T được hưởng là 806.666.000đ (đã làm tròn số);

[4].Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 20.016.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch, được khấu trừ

vào tiền 7500.000đ tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006887 ngày 11 tháng 12 năm 2018. Chị S còn phải nộp 12.816.000đ; anh Nguyễn Văn T phải chịu 36.199.980đ án phí dân sự có giá ngạch nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưMgar .

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 2500.000 tiền chi phí thẩm định định giá. Chị S đã nộp 5000.000 đồng; Anh T phải trả cho chị S 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Hiền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CưM’gar;
- Chi cục THADS huyện CưM’gar;
- UBND E;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.